

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BT
TỈNH V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2021

“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BT, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Sương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phận

Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Thanh Điền** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh V: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc *“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Phước D**, sinh năm 1984 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng cư trú: tổ 15, khóm TC, thị trấn TQ, huyện BT, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai ngày 10/6/2021 nguyên đơn Nguyễn Phước D trình bày:

Vào năm 2006 anh và chị Nguyễn Thị Tuyết M qua mai mối tiến đến hôn nhân, có tổ chức hôn lễ theo phong tục tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện BM (nay là huyện BT) tỉnh V, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/7/2006. Sau khi kết hôn anh và chị M sống hạnh phúc được khoảng 14 năm, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên bất đồng quan điểm sống và đời sống kinh tế của gia đình gặp nhiều khó khăn, từ đó anh và chị M hay bất

hòa, cự cãi nhau trầm trọng dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh và chị M đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Trong quá trình chung sống anh và chị M có một con chung là Nguyễn Thúy Q, sinh ngày 14/4/2011. Trong thời gian chung sống, anh và chị M không tạo lập được tài sản gì, không thiếu nợ ai, cũng không ai thiếu nợ vợ chồng anh chị.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết M.

Về con chung: Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thúy Q (sinh ngày 14/4/2011), anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản khai ngày 30/6/2021 chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Chị M trình bày về quá trình kết hôn, về con chung có nội dung thống nhất với trình bày của anh Nguyễn Phước D. Tuy nhiên về mâu thuẫn của vợ chồng thì chị M nêu trong quá trình chung sống với anh D lúc đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng khoảng 4 đến 5 năm gần đây thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, anh D thiếu quan tâm chăm sóc cho gia đình từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dẫn đến vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc. Nghiêm trọng hơn là anh D thường xuyên uống rượu, bia về nhà bạo hành, đánh đập chị rất nhiều lần, chị không thể tiếp tục sống chung với anh D được nữa, chị bỏ nhà đi làm thuê ở xã LU, huyện BB, tỉnh B từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh D nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D; chị đồng ý giao cháu Nguyễn Thúy Q cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản chị và anh D tự thỏa thuận giải quyết, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do chị đi làm thuê ở tỉnh B đường về xa và tính chất công việc không xin nghỉ nhiều ngày để về Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết việc anh Nguyễn Phước D xin ly hôn với chị được. Mặt khác, hiện nay dịch COVID - 19 đang bùng phát việc đi lại rất khó khăn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh V giải quyết vắng mặt chị tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tại các buổi xét xử tại Tòa án cho đến khi vụ án giải quyết bằng bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Phước D trình bày: Anh xác định trong quá trình chung sống khoảng 4 đến 5 năm gần đây anh có đánh chị M là có, nhưng chỉ đánh 2, 3 lần chứ không có đánh thường xuyên như trong bản khai chị M đã nêu. Tại phiên tòa hôm nay anh xác định anh không còn tình cảm gì với chị M nên vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nguyên đơn Nguyễn Phước D yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con với bị đơn Nguyễn Thị Tuyết M có nơi cư trú tại tổ 15, khóm TC, thị trấn TQ, huyện BT, tỉnh V là quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh V theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành lập biên bản công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa thì bị đơn Nguyễn Thị Tuyết M tuy vắng mặt nhưng có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét anh Nguyễn Phước D và Nguyễn Thị Tuyết M kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện BM (nay là huyện BT) tỉnh V theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh D và chị M phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc từ đó anh D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với chị M.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Phước D và chị Nguyễn Thị Tuyết M: Theo lời khai của anh D và chị M có sự thống nhất là trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống và phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh D còn có hành vi bạo hành đối với chị M (anh D thừa nhận có đánh chị M 2 - 3 lần) dẫn đến đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, cả hai đều khẳng định không còn tình cảm với nhau và đã sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau. Với tình trạng hôn nhân nêu trên xét thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị M đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Nguyễn Phước D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết M theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh Nguyễn Phước D và chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày thống nhất là anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thúy Q (sinh ngày 14/4/2011), hiện cháu Q đang sống với anh D. Anh D yêu cầu giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi cháu Q, chị M có ý kiến thống nhất theo yêu cầu của anh D, tại bản khai ngày 10/6/2021 cháu Nguyễn Thúy Q có ý kiến muốn sống với cha. Do đó, xét theo yêu cầu của anh D, chị M và nguyện vọng của cháu Q Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Thúy Q cho anh Nguyễn Phước D tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Tuyết

M được quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do trong vụ án này anh Nguyễn Phước D không yêu cầu nên chị M chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] *Về quan hệ tài sản*: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Phước D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phước D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Phước D ly hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết M.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thúy Q (sinh ngày 14/4/2001) cho anh Nguyễn Phước D nuôi dưỡng kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực đến khi cháu Q đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định của Tòa án về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Chị Nguyễn Thị Tuyết M chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Tuyết M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ngoài ra, chị M còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1.3. Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Phước D nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh D được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0011961 ngày 10/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BT, tỉnh V.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đường sự: 02b
- VKSND huyện BT, tỉnh V: 01b;
- UBND thị trấn TQ, huyện BT, tỉnh V: 01b;
- CCTHADS huyện BT, tỉnh V: 01b;
- TAND tỉnh V (PKTNV&THA): 01b
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Huỳnh Ngọc Sương